TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA JOHN LOCKE – THỰC CHẤT VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

JOHN LOCKE'S EDUCATIONAL PHILOSOPHY – ITS ESSENCE AND HISTORICAL SIGNIFICANCE

HUỲNH THỊ PHƯƠNG THÚY(*)

THÔNG TIN

Ngày nhận bài: 22-5-2025
Ngày biên tập xong: 07-7-2025
Ngày duyệt đăng: 30-7-2025
Mã số: TCKH52-11-2025
ISSN: 2525 – 2429

TÓM TẮT

John Locke (1632-1704) là một trong những triết gia Anh tiêu biểu của thời kỳ Khai sáng, tư tưởng của ông không chỉ có giá trị lý luận đối với sự phát triển tư duy nhân loại mà còn tác động ở nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Với quan điểm cho rằng không có những ý niệm bẩm sinh, con người sinh ra là một tabula rasa, nghĩa là tấm bảng trắng, mọi hiểu biết được hình thành qua kinh nghiệm, Locke nhấn mạnh tính thực nghiệm trong giáo dục để hình thành những cá nhân phát triển toàn diện. Quan điểm của Locke đã có ảnh hưởng rất lớn đến hệ thống giáo dục phương Tây hiện đại qua nhiều thế kỷ. Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay, việc nghiên cứu lại tư tưởng giáo dục của John Locke nhằm rút ra những bài học có giá trị cho việc đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trở nên có ý nghĩa thiết thực.

Từ khóa: *John Locke; giáo dục; giáo dục trải nghiệm.*
Key words: *John Locke; education; experimental education.*

ABSTRACT: *John Locke (1632-1704) was one of the most prominent English philosophers of the Enlightenment period. His ideas not only held significant theoretical value for the development of human thought but also influenced various aspects of social life. With the belief that there are no innate ideas and that humans are born as a tabula rasa, meaning a blank slate, gaining knowledge through experience, Locke emphasized the importance of empirical learning in education to foster well-rounded individuals. His views have had a profound and lasting impact on the modern Western educational system over the centuries. In the context of fundamental and comprehensive innovation in education and training in Vietnam today, re-studying John Locke's educational ideology to draw valuable lessons for human resource development - in order to meet the demands of accelerating the country's industrialization and modernization - is of practical significance.*

(*) NCS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, *thuy.htp@vlu.edu.vn*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

John Locke được coi là một trong các đại biểu lớn nhất của phong trào Khai sáng hình thành ở Tây Âu vào cuối thế kỷ XVII, một trào lưu tư tưởng và văn hóa đặc biệt mà tác động của nó đã vượt ra khỏi khuôn khổ thời đại. Những quan điểm của ông trải đều trên nhiều phương diện khác nhau, từ lĩnh vực chính trị - xã hội với tư tưởng về quyền tự nhiên và khế ước xã hội, từ đó luận giải về một nhà nước hợp lý tính; lĩnh lực tôn giáo với tinh thần khoan dung tôn giáo và quyền tự do lựa chọn con đường cứu rỗi của riêng mỗi cá nhân; lĩnh vực kinh tế với những luận giải về giá trị và giá cả… trong đó có lĩnh vực giáo dục với những phân tích cũng hết sức sâu sắc. Trong số các tác phẩm của ông, tuy *Vài suy nghĩ về giáo dục* là tác phẩm duy nhất ông viết về giáo dục nhưng từ khi ra đời, tác phẩm này đã nhận được sự đón nhận nồng nhiệt không chỉ lại nước Anh mà còn được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác khau từ thế kỷ XVIII đến nay.

Nền tảng triết lý giáo dục của J. Locke được xây dựng dựa trên nhận thức luận kinh nghiệm duy cảm của ông. Khi phê phán thuyết ý niệm bẩm sinh của Descartes và các nhà duy lý, J. Locke cho rằng, con người không sở hữu những tri thức hay nguyên lý bẩm sinh, tâm trí con người khi sinh ra là một tabula rasa, hoàn toàn không chứa đựng bất kỳ ý niệm nào. Mọi tri thức đều hình thành từ kinh nghiệm – bao gồm trải nghiệm giác quan và sự phản tỉnh nội tâm. Duy cảm luận của J. Locke đề cao quan sát, thực nghiệm không chỉ làm thay đổi cách hiểu về khả năng nhận thức của con người, mà còn đặt nền móng cho một quan niệm giáo dục tiến bộ: Nếu tri thức không có sẵn mà phải được hình thành qua trải nghiệm và rèn luyện, thì giáo dục phải đóng vai trò quyết định trong việc phát triển năng lực cá nhân. Do đó, nhận thức luận kinh nghiệm duy cảm không chỉ mang ý nghĩa lý luận, mà còn hàm chứa định hướng phương pháp luận cho toàn bộ tư duy giáo dục của Locke. Quan điểm giáo dục của ông đã có ảnh hưởng rất lớn đến các nhà tư tưởng trong thời đại của ông và cả các giai đoạn sau, trong số các nhà tư tưởng chịu ảnh hưởng của ông phải kể đến Jean Jacques Rousseau. Việc nghiên cứu về tư tưởng giáo dục của ông, từ đó liên hệ với việc đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay là một vấn đề cấp thiết.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số nội dung cơ bản trong tư tưởng giáo dục của John Locke

Trong hệ thống triết học của mình, mặc dù J. Locke không đề cập đến một triết lý về giáo dục bao gồm hệ thống các phạm trù cũng như không đề cập đến các chính sách giáo dục cụ thể nhưng thông qua các tác phẩm của ông, đặc biệt là *Vài suy nghĩ về giáo dục*, những tư tưởng giáo dục của ông vẫn được thể hiện rõ nét.

Thứ nhất, J. Locke đề cao vai trò của giáo dục trong việc phát triển con người một cách hoàn thiện về nhân tính và lý tính.

Giáo dục trong lý luận của ông đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển con người, từ những đứa trẻ vô tri, ngờ ngệch với thế giới này đến những nhà thông thái, tài giỏi với những hiểu biết sâu sắc về cuộc sống. Điều này hoàn toàn trái ngược với một trong những quan điểm triết học khá phổ biến trong thời đại của ông là học thuyết ý niệm bẩm sinh vốn bắt nguồn từ chủ nghĩa Platon và được Descartes và trường phái Descartes đổi mới. Học thuyết này khẳng định, dường như những tri thức, cũng như những khả năng khác của con người, xuất hiện một cách tất yếu và hiện thực từ lúc sinh ra. Ông gán cho lý luận này quan niệm về con người như một thực thể thụ động, không có tự do, qua đó ông đem các nguyên tắc và các lý tưởng cơ bản của mình đối lập với nó. Theo ông, không hề có bất kỳ ý niệm bẩm sinh nào về thế giới này, mà ngay từ khi mới chào đời, tâm hồn của những đứa trẻ tựa như tabula rasa không chứa đựng gì và chúng phải học từ những điều giản đơn nhất.

Điều này được chứng minh bằng thực tế là chúng thậm chí không thể hiểu được những từ cơ bản nhất, cũng như không nhận ra những nguy hiểm cơ bản như lửa hoặc kết tủa… ông tin rằng, kiến thức là được xây dựng, tabula rasa sẽ nhường chỗ cho một hệ thống kiến thức về thế giới thông qua giáo dục. Sự phê phán của ông đối với ý niệm, khái niệm và các nguyên lý bẩm sinh thông qua chất liệu phong phú và thuyết phục không chỉ là sự phê phán đối với chủ nghĩa duy tâm và bảo vệ chủ nghĩa duy vật trong lý luận nhận thức, mà còn là nhằm nhấn mạnh quyền năng và vai trò của giáo dục trong việc ghi lên tờ giấy trắng những ý niệm mới về cuộc sống, từ đó hình thành nên những người quân tử với đức hạnh, sự khôn ngoan, phép lịch sự và học vấn. Ông đặt niềm tin vững chắc vào sức mạnh của giáo dục, ông cho rằng, *"chín mươi phần trăm của những người ta gặp, những người này tốt hay xấu, hữu dụng hay vô tích sự, đều do giáo dục mà ra cả"* [4, tr.17]. Do đó, *"giáo dục tốt trẻ em trở thành nghĩa vụ và quyền lợi của các bậc cha mẹ, và sự bình an của dân tộc phụ thuộc rất nhiều vào giáo dục, vì vậy mỗi chúng ta cần nghiêm túc đón nhận nó từ tận đáy lòng"* [5, tr.683].

Từ lý thuyết về tabula rasa để luận chứng cho vai trò của giáo dục là một điều cần thiết, thế nhưng ông lại đẩy nó quá xa khi lý giải rằng, tâm hồn một đứa trẻ như một tabula rasa vô tri, và giáo dục sẽ ghi vào những nội dung mới mẻ từ cuộc sống, hoặc đứa trẻ như *"một miếng sáp mà nhà giáo dục có thể uốn nắn theo ý mình"* [4, tr.125]. Như vậy, phải chăng nhiệm vụ giáo dục là trang bị kiến thức cho đứa trẻ bằng cách "nhồi nhét" theo kiểu cơ học? Ông còn cho rằng, *"sự khéo léo và nghệ thuật của người thầy là loại bỏ mọi ý tưởng khỏi trí óc của đứa trẻ trước khi dạy nó một cái gì, trí óc của nó phải được dọn dẹp trống trải để có thể thâu nhận các kiến thức mới; nếu không có điều kiện này thì kiến thức sẽ không in sâu trong đầu đứa trẻ"* [4, tr.113], và trong nguyên tắc của ông, tự do và khoan dung không tốt cho trẻ em, vì chúng chưa đủ óc xét đoán, nên chúng cần được hướng dẫn và kỷ luật, đợi khi chúng biết suy nghĩ thì ta mới đối xử với chúng bớt nghiêm khắc hơn.

Thế nhưng, trong bối cảnh nước Anh lúc bấy giờ, mới trải qua cuộc nội chiến khốc liệt và đang dần hồi phục, nó đang cần những người quân tử với năng lực lý tính của mình có thể đem lại sự phát triển cho xã hội. Giáo dục kiểu "nhồi nhét" được thực hiện thông qua việc đào luyện tinh thần của đứa trẻ với sức ảnh hưởng của những gentleman trong vai trò là nhà giáo dục có kiến thức sâu rộng về thế giới, về phong tục tập quán, những điều lạ lùng, những mánh khóe, những khuyết tật của thời đại mình, đặc biệt ở đất nước mình đến người học trò dường như là một biện pháp hiệu quả và cần thiết nhằm đáp ứng những yêu cầu thiết thực trong bối cảnh xã hội lúc bấy giờ.

Giáo dục sẽ uốn nắn mỗi cá nhân ngay từ tuổi thơ, như uốn nắn dòng chảy theo mục đích tốt đẹp. Khi cá nhân đã có sự trưởng thành về lý trí thông qua giáo dục, họ có đủ năng lực nhận thức cái tất yếu để có thể kiểm soát, điều chỉnh hành vi của mình trong những giới hạn nhất định. Sự hướng dẫn của lý trí, sự kiểm soát của lý trí sẽ hướng dẫn họ đến sự tự do hành động. Họ tự quyết định hành vi của mình và làm chủ lấy bản thân mình. Theo J. Locke, con người chỉ thực sự tự do khi và chỉ khi con người có khả năng nhận thức được năng lực hành vi trên nền tảng lý trí sáng suốt. Họ phân biệt được cái đúng, cái sai và hành động tự giác theo những chuẩn mực nhất định dưới sự hướng dẫn của lý trí và đạo đức sao cho tự do cá nhân của họ không xâm phạm đến tự do của những người khác, lợi ích cá nhân của họ được đảm bảo và cân bằng với lợi ích của cộng đồng, xã hội. Giáo dục không chỉ là công cụ để con người hướng đến sự tự do thông qua lý trí mà còn hướng dẫn mỗi cá nhân cách tồn tại trong một xã hội nhiều biến động với những mánh

khóe, những cạm bẫy của người đời, giúp họ phòng ngừa những đau khổ, bệnh tật, nghèo đói và tội ác, dạy cho họ cách đoán định được dự tính của những người mà họ cùng làm việc và cần cẩn trọng trong các mối quan hệ. Giáo dục trong quan niệm của ông là nền giáo dục hướng về thực tiễn, phục vụ thực tiễn. Hình mẫu người quân tử mà ông xây dựng không phải là một con người với những kiến thức hàn lâm, kinh viện mà là một con người với năng lực lý tính của mình có thể thiết lập nên một trật tự xã hội ổn định sau những diễn biến phức tạp và đầy rẫy xung đột của Cách mạng tư sản Anh.

Trong quan niệm của J. Locke, giáo dục hướng tới sự hoàn thiện lý trí con người phải thể hiện ở bốn yếu tố: Đức hạnh, sự khôn ngoan, phép lịch sự và học vấn. Đức hạnh là đức tính hàng đầu mà mỗi con người cần phải có, giúp cá nhân được những người khác kính trọng và yêu mến, và bản thân họ tự hài lòng với chính mình. Đức hạnh còn là tự kiềm chế những dục vọng của mình, có khả năng từ chối các ham muốn mà lẽ phải không cho phép. Tiếp theo là sự khôn ngoan với tính cởi mở, sự công bằng và sáng suốt. *"Đức tính này giúp con người làm ăn một cách khéo léo và biết nhìn xa. Đây là kết quả của một sự trộn lẫn của một bản chất tốt, cùng với sự vận dụng của trí óc cùng với kinh nghiệm"* [4, tr.64]. Là một nhà kinh nghiệm chủ nghĩa luôn nhấn mạnh đến kinh nghiệm trong quá trình nhận thức của con người, ông đặt ra yêu cầu phải dạy cho đứa trẻ những hành động, thói quen làm một con người thật thà, biết phục tùng lý trí, rèn luyện cho đứa trẻ qua nhiều hoạt động nhằm tích lũy những kinh nghiệm tốt qua thời gian. Yếu tố thứ ba được ông đưa ra là phép lịch sự, hay sự lịch thiệp. Thay vì giải thích phép lịch sự là gì, ông đối lập nó với sự rụt rè, ngượng ngịu và sự vô ý tứ, thiếu tôn trọng người khác. Học vấn được ông xếp cuối cùng vì theo ông đó là phần ít quan trọng nhất của giáo dục. Nếu ba yếu tố đầu tiên thuộc về giáo dục đạo đức để hình thành nhân cách cá nhân thì yếu tố cuối cùng là thuộc về giáo dục tri thức, học vấn cho đứa trẻ. Như vậy, trong mục đích giáo dục của mình, ông chú trọng đến việc xây dựng và phát triển những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của đứa trẻ - giáo dục *làm người* theo ý nghĩa tốt đẹp của từ đó.

Thứ hai, giáo dục là quá trình hình thành và phát triển con người thông qua việc tích lũy những kinh nghiệm cá nhân và làm giàu nó bằng những chất liệu cảm tính.

Giáo dục đứa trẻ trở thành người quân tử là một việc khó nhưng không phải là không làm được, đó là một quá trình, bởi nhận thức cũng là một quá trình. J. Locke cho rằng, năng lực nhận thức, suy luận, hiểu biết, lý tính chỉ được hình thành thông qua kinh nghiệm. Kinh nghiệm là cơ sở của tri thức, tri thức, xét đến cùng, bắt nguồn từ kinh nghiệm. Luận điểm về kinh nghiệm như cội nguồn của mọi tri thức là nền tảng của chủ nghĩa duy nghiệm triết học của ông cũng như cơ sở lý luận cho tư tưởng giáo dục của ông. Theo đó, sự khác nhau giữa quan niệm của mọi người không phải bắt nguồn từ sự khác nhau về khả năng nhận thức hoặc truyền tải các ý niệm bẩm sinh, mà bắt nguồn từ những trải nghiệm của chính họ. Khẳng định toàn bộ tri thức của chúng ta đều hình thành từ kinh nghiệm nhưng ông cũng phân biệt hai dạng kinh nghiệm: Kinh nghiệm bên ngoài và kinh nghiệm bên trong. Kinh nghiệm bên ngoài được cấu thành từ tổ hợp các cảm giác, nguồn gốc của nó là sự tác động của thế giới vật chất khách quan đến các cơ quan cảm giác của con người và gây ra cảm giác. Những hiểu biết của con người do những cảm giác mang lại là những dữ kiện giản dị nhất của tri giác, nghĩa là những hình thức giản dị nhất của sự hiểu biết. Cảm giác là điểm khởi đầu của tất cả mọi ý kiến và những ý tưởng do cảm giác phát sinh là những ý tưởng đầu tiên nhất và quan trọng nhất trong cuộc đời của đứa trẻ. Có thể thấy, ông đã phát triển khuynh hướng kinh nghiệm trong nhận thức luận và đẩy nó về hướng duy cảm

luận. Tương tự Hobbles, J. Locke tuyên bố *"không có cái gì trong trí tuệ, nếu không có trước hết trong cảm giác"* và ở một đứa trẻ, *"các lý luận mà chúng chấp nhận được là những lý luận… phải giống như những gì chúng cảm được và sờ được"* [4, tr.86]. Từ duy cảm luận, ông đề nghị, sự giáo dục đứa trẻ phải "hướng một cách trực tiếp về những giác quan và cho đứa trẻ những hiểu biết trực tiếp về mọi việc" [3, tr.59]. Giáo dục dựa trên trò chơi vì thế được ông xem là một sự giảng dạy dễ dàng, vững chắc. Khi đứa trẻ được đặt vào tay "đồ chơi giáo dục", nó có thể sử dụng tùy thích và nhờ việc tiếp xúc trực tiếp với những đồ chơi đó mà nó dần dần có những hiểu biết đơn giản về những chữ cái, những con số. Đó là điểm khởi đầu quan trọng, sự chuẩn bị duy nhất có giá trị cho việc học.

Quá trình giáo dục dựa trên duy cảm luận của J. Locke tiếp tục tiến xa hơn khi ông yêu cầu phải có trải nghiệm của đứa trẻ với toàn bộ thế giới xung quanh chúng, bởi nếu chúng không có những cảm giác riêng của chúng về những gì đã xảy ra, nếu chúng không chính mắt nhìn thấy thì chúng vẫn dốt nát như trước, dẫu cho những nhà chính trực có nói gì đi nữa cũng vậy. Tất cả những trải nghiệm mà nhà giáo dục cần phải làm là *"nên tạo thành thói quen cho chúng bằng cách thực hành liên tục mỗi khi có cơ hội làm việc đó, và tạo ra các cơ hội đó nếu cần"* [4, tr.75]. Trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách, đứa trẻ phải học được cách sống trong xã hội bằng cách tập luyện những thói quen tốt và lặp đi lặp lại những thói quen này. Theo ông, làm như vậy có thể đánh giá được khả năng thực hiện của đứa trẻ và nếu như có những việc mà đứa trẻ không làm được, khi cần thiết, phải dạy nó cách làm và tập cho nó làm. Bởi lẽ, mỗi đứa trẻ khi chào đời đều có những tính cách, khả năng thể chất và trí tuệ khác nhau và ông rất coi trọng việc theo sát và điều chỉnh phương pháp giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ. *"Kẻ nào phụ trách giáo dục trẻ em phải nghiên cứu bản tính và khả năng của chúng; bằng những thực nghiệm thường xuyên xem bản tính và khả năng ấy thiên về khuynh hướng nào và phát triển ra sao; quan sát bản tính của đứa trẻ, làm thế nào để cho nó tốt hơn và thích ứng với cái gì. Người làm giáo dục phải xem trẻ thiếu cái gì, xem chúng có thể đạt được các thứ ấy bằng cách chuyên cần luyện tập không; xem có nên tốn công sức luyện tập không"* [4, tr.77]. Rõ ràng, quá trình thực nghiệm với nhiều lần trải nghiệm khác nhau không chỉ dành cho đứa trẻ - người học mà còn mang lại những kinh nghiệm bên ngoài cho chính người thầy để người thầy có thể đưa ra một phương pháp giáo dục phù hợp và tối ưu. Điều này phù hợp với tinh thần "bản thân nhà giáo dục cũng cần được giáo dục" trong Chủ nghĩa Mác – Lê-nin. Lợi ích thứ hai của việc thực hành là thông qua việc bắt đứa trẻ lặp đi lặp lại một hành động cho đến khi trở thành thói quen thì đứa trẻ không cần dùng trí óc để nhớ và suy nghĩ nữa, nó sẽ làm một cách dễ dàng và tự nhiên giống như việc hít thở vậy. Nhưng phải lưu ý rằng, trước hết hãy tạo các thói quen đó bằng những lời nói ân cần, những lời khuyên dịu dàng, người thầy cũng phải thường xuyên quan sát và hướng dẫn hành động của đứa trẻ cho đến khi đứa trẻ đạt được thói quen. Như vậy, ở J. Locke, học đi đôi với hành là một nguyên tắc hết sức quan trọng và đạt được hiệu quả giáo dục tích cực.

Tuy nhiên, sự trải nghiệm, cái đạt được thông qua các giác quan không phải là nguồn gốc duy nhất để hình thành nên tri thức. Nguồn gốc thứ hai của tri thức là hoạt động của chính lý tính khi nó phản tỉnh, tự quan sát bản thân mình, những hành vi của mình và lĩnh hội chúng. Hoạt động phản tỉnh phụ thuộc rất nhiều vào chủ thể nhận thức với những điều kiện thiết yếu cả về thể chất và tinh thần. Trong tác phẩm *Vài suy nghĩ về giáo dục*, ngay phần đầu tiên "Nguyên tắc tổng quát", ông đã khẳng định: *"Kẻ nào trí óc kém khôn ngoan thì không bao*

giờ đi đúng con đường tốt; và kẻ nào có một thân thể gầy gò, yếu đuối sẽ không bao giờ có khả năng đi trên con đường ấy" [4, tr.17]. Thậm chí ông công nhận, vẫn có mười phần trăm những người được tạo hóa ban cho một thân thể và một trí óc mạnh mẽ đến độ họ không cần đến sự giúp đỡ của ai khác và họ có khả năng thực hiện những điều kỳ diệu. Từ đó có thể hiểu, tư chất cá nhân, sức khỏe, tâm trí cũng có vai trò quan trọng trong quá trình học tập. Do đó, khi xác định phương pháp giáo dục, ông rất coi trọng việc đề ra một phương pháp phù hợp với khả năng, thiên tư và cơ thể của đứa trẻ. Vì thế, người làm giáo dục phải nghiên cứu kỹ bản tính và khả năng của chúng bằng những thực nghiệm thường xuyên. Theo ông, Thượng đế đã tạo ra mỗi người với những cá tính riêng, tất cả những gì nhà giáo dục có thể làm là sử dụng một cách tốt nhất những gì thiên nhiên đã cho, hoặc bằng cách ngăn ngừa các tật xấu và các lỗi lầm đến với mỗi tính tình, hoặc phát triển các tính tốt sẵn có. *"Thiên tư của mỗi người nên được phát triển càng nhiều càng tốt; nhưng nếu ta cố gắng gán cho mỗi người một thiên tư mà nó không có, thì chỉ uổng công mà thôi, và chỉ tạo nên cái vỏ bề ngoài cứng ngắc, thô kệch và kiểu cách giả tạo"* [4, tr.77]. Một người thầy khôn ngoan là phải quan sát tính tình của học trò và tạo ra sự kích thích nơi trí óc của đứa trẻ để nó thích thú với việc học, làm như vậy sẽ tiết kiệm vô số thời gian, ít công sức hơn và hiệu quả cao hơn. Rõ ràng, những năng khiếu, tư chất cá nhân là những yếu tố không ai có thể phủ nhận được, nhưng nếu chúng ta tuyệt đối hóa nó, cho rằng giáo dục chỉ là sự kích thích các thiên tư có sẵn thì sẽ rơi vào chủ nghĩa duy tâm triết học.

Kinh nghiệm bên trong, hoạt động phản tỉnh của các cá nhân, dù có tính độc lập tương đối nhưng về cơ bản vẫn phụ thuộc vào kinh nghiệm bên ngoài. J. Locke luôn khẳng định, hoạt động của trí tuệ, cái trở thành đối tượng của phản tỉnh, diễn ra chỉ trên cơ sở các chất liệu cảm tính, hình thành ở con người trước các ý niệm phản tỉnh, rằng, linh hồn không thể tư duy trước khi các cảm giác cung cấp cho nó các ý niệm cần cho tư duy [5, tr.664]. Do đó, ông rất coi trọng các hoạt động nhằm nâng cao năng lực của mỗi cá thể cả về thể chất lẫn tinh thần trong giai đoạn tuổi thơ. Chính kiến thức y học đã góp phần tạo nên sự quan tâm của ông tới sự khỏe mạnh của thể xác, tinh thần và trí óc của đứa trẻ. Theo ông, trước tiên cần rèn luyện thể chất, hình thành một con người khỏe mạnh, có sức chịu đựng cao để tạo thói quen làm việc tốt trong những điều kiện tự nhiên khắc nghiệt nhất. Giáo dục thể chất gắn liền với giáo dục tinh thần, giáo dục ý thức làm người, phấn đấu trở thành con người của công việc, sống có trách nhiệm với gia đình và xã hội. Tiếp theo là trang bị vốn hiểu biết cho trẻ là điều kiện tiên quyết cho quá trình bước vào cuộc sống khó khăn. Mặt khác, giáo dục đạo đức, tức giáo dục cái thiện, khao khát hạnh phúc, đam mê chân chính, hành xử theo sự chỉ dẫn của lý tính và theo gương những bậc hiền nhân, cần gắn liền với giáo dục tình yêu lao động, dạy cho những người trẻ tuổi những công việc cần thiết, định hướng nghề nghiệp cho họ. Tóm lại, nhà giáo dục phải quan tâm cả yếu tố thể chất và tinh thần của con người, trên cơ sở đó mà hình thành phương pháp giáo dục tích cực - giáo dục toàn diện.

Có thể thấy, ở J. Locke, một người quân tử vừa là mục tiêu vừa là động lực của giáo dục. Với tư cách là động lực của giáo dục, bằng một tinh thần minh mẫn trong một cơ thể tráng kiện, người quân tử sẽ nâng cao khả năng lĩnh hội của bản thân trên con đường tìm kiếm tri thức, tiếp thu được ngày càng nhiều những kinh nghiệm sống từ thế giới xung quanh và thích ứng được với những thay đổi của điều kiện sống. Ông nói: *"Hãy làm cho đứa trẻ quen thói có cái nhìn đúng đắn về mọi việc; và không tự thỏa mãn cho đến khi đạt đến việc đó; hãy nâng cao trí óc nó đến những tư tưởng cao xa*

và xứng đáng; và hãy tập cho nó xa lánh những sự dối trá và mưu mẹo, vì trong mưu mẹo luôn luôn có dối trá; đó là cách tốt nhất để chuẩn bị cho đứa trẻ đạt được sự khôn ngoan" [4, tr.102]. Đồng thời, xây dựng mẫu người đàn ông hoàn hảo, hào hiệp - một người quân tử có sự lành mạnh cả về thể chất và tinh thần, có khả năng tiến hành công việc một cách thông minh và cẩn trọng, một con người lịch thiệp, tinh tế trong giao tiếp cũng chính là mục tiêu trực tiếp của giáo dục.

Nhìn chung, triết lý giáo dục của ông đã thống nhất với nhận thức luận cũng như nhân sinh quan của ông. Bên cạnh những hạn chế, những quan điểm giáo dục của ông vẫn có giá trị rất lớn vượt thời đại, đó là sự gợi mở cho các nhà tư tưởng đời sau trong việc tìm kiếm một mô hình giáo dục tối ưu với tinh thần dân chủ và nhân văn.

2.2. Ý nghĩa của tư tưởng giáo dục John Locke với việc đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay

J. Locke và tư tưởng giáo dục của ông bao hàm những nội dung rất thiết thực và những giá trị tích cực của nó đã vượt qua mọi khuôn khổ không gian và thời gian. Ông tin giáo dục đúng cách, phù hợp với các hoạt động nhận thức của con người có thể tạo nên sự hoàn thiện ở con người về mọi phương diện, những người quân tử. Xã hội sẽ ổn định, phát triển nếu những thành viên của nó được giáo dục để trở nên đức hạnh, sự khôn ngoan, lịch thiệp và học vấn. Và ngược lại, một xã hội với một nền giáo dục hiệu quả sẽ là điều kiện cho sự phát triển của mỗi thành viên.

Những giá trị trong tư tưởng giáo dục của ông đã được người đời sau đón nhận, kế thừa và phát triển dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Ở Việt Nam, qua hơn 30 năm đổi mới toàn diện đất nước, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: "*Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước*" [2, tr.136]. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho con người, hướng đến sự phát triển của con người, đây là đầu tư cơ bản, có hiệu quả lâu dài và chắc chắn nhất cho sự phát triển của đất nước, do đó phải được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, thế giới đang chứng kiến những thành tựu vượt bậc của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, kinh tế tri thức đã xác định vị trí hàng đầu của người lao động trong lực lượng sản xuất, với nhiệm vụ "nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài", giáo dục có vai trò ngày càng quan trọng trong việc xây dựng một thế hệ người lao động Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển và hội nhập quốc tế. Sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, vị thế của đất nước trên trường quốc tế cũng ngày càng cao. Những thành tựu trong quá trình đổi mới đất nước có sự đóng góp không nhỏ của giáo dục. Bên cạnh đó, giáo dục Việt Nam vẫn đang tồn tại nhiều yếu kém, bất cập, chất lượng giáo dục vẫn còn thấp so với yêu cầu. Tìm về những giá trị trong tư tưởng giáo dục của ông với tinh thần "gạn đục, khơi trong" là một việc làm có ý nghĩa cho việc đổi mới giáo dục hiện nay.

Trong quan điểm của J. Locke, giáo dục phải hướng tới tạo ra những con người phát triển toàn diện, cả về thể dục, đức dục và trí dục, trong đó ông "*đặt đức hạnh lên hàng đầu của các đức tính mà một con người, có học hay không, cũng cần có*" [4, tr.100], còn học vấn tuy cần thiết nhưng chỉ nên để nó ở hàng thứ yếu, phụ thuộc vào các đức tính khác cao hơn. Điều này cũng tương đồng với yêu cầu "*chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học*", "*giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt*

nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả" của Đảng ta [1, tr.27-tr.115]. Đặc biệt, ở J. Locke, giáo dục hướng tới rèn luyện năng lực, phẩm chất của người học để thích ứng với mọi thay đổi của đời sống còn quan trọng hơn những lý luận giáo điều, hàn lâm. Luận điểm này lại càng có ý nghĩa trong thời đại ngày nay với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ, thậm chí là thay đổi theo từng giờ. Kiến thức của nhân loại không ngừng được mở rộng và luôn vận động, biến đổi không ngừng, vì vậy giáo dục phải chú trọng trang bị cho người học phương pháp tư duy, năng lực sáng tạo, giúp họ thích ứng với sự chuyển đổi chóng mặt của công cụ lao động. Nhìn lại nguồn nhân lực Việt Nam, một trong những yếu kém của người lao động là thiếu những kỹ năng cần thiết cho cuộc sống. Do đó, đổi mới giáo dục để đáp ứng yêu cầu hội nhập, phát triển là phải tạo nên một thế hệ người lao động Việt Nam có tri thức, có đạo đức, có bản lĩnh, trung thực, có tư duy phê phán, óc sáng tạo, có kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng giải quyết mọi vấn đề… để làm việc hiệu quả trong môi trường toàn cầu hóa, vừa hợp tác vừa cạnh tranh. Điều này đòi hỏi phải có những thay đổi căn bản trong giáo dục và đào tạo, từ nội dung, phương pháp dạy học đến việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và thuận lợi, giúp người học có thể chủ động, tích cực, kiến tạo kiến thức, phát triển kỹ năng và vận dụng những điều đã học vào cuộc sống.

Từ nhận thức luận duy nghiệm, J. Locke đưa ra nguyên tắc học đi đôi với hành trong giáo dục. Đây là một nội dung hết sức quan trọng trong việc đổi mới giáo dục Việt Nam theo hướng "*gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học - công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động*" [1, tr.115]. Mục đích cuối cùng của giáo dục là nâng cao năng lực của con người trong việc cải biến tự nhiên, cải biến xã hội để phục vụ nhu cầu của chính con người. Việc giáo dục gắn liền với những trải nghiệm, cụ thể hóa những lý thuyết xơ cứng bằng những chương trình, dự án dành cho người học thực sự là một phương pháp giáo dục tích cực. Người học sẽ thấy bài học không hề nhàm chán, nghèo nàn mà cực kỳ sống động và có ý nghĩa. Chỉ khi được thực hành, được trải nghiệm, người học không chỉ nắm chắc và hiểu rõ lý thuyết mà còn có thể vận dụng những kiến thức đã học trong một tình huống tương tự hoặc tình huống mới, từ đó phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề và tiến tới cấp độ sáng tạo. Hiện nay, trong hệ thống giáo dục Việt Nam, việc thực hành thông qua các dự án mô phỏng, thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp chỉ có ở các cơ sở đào tạo bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp với mục đích giúp sinh viên nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, ở các bậc học phổ thông còn rất hạn chế, chủ yếu là các hoạt động tham quan mang tính chất "cưỡi ngựa xem hoa" và được coi là một hoạt động ngoại khóa. Rõ ràng, sự trải nghiệm dù là ở bậc học nào, lứa tuổi nào cũng là hết sức quan trọng, không chỉ nhằm phát triển các kỹ năng, phẩm chất cá nhân để thích ứng với những biến đổi của xã hội mà còn hướng những hiểu biết của người học vào việc phục vụ cuộc sống.

Nhìn lại tiến trình lịch sử, nhiều thế kỷ đã trôi qua với những thay đổi trong đời sống xã hội, những tư tưởng giáo dục của J. Locke vẫn còn có giá trị thiết thực đối với xã hội ngày nay. Tiếp thu những giá trị ấy như một sự gợi mở, định hướng sẽ góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

3. KẾT LUẬN

Là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa kinh nghiệm Anh thế kỷ XVII, tư tưởng giáo dục của J. Locke nhấn mạnh vai trò của kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình hình thành năng lực, phẩm chất của con người, từ đó xây

dựng nên người quân tử với tinh thần dân chủ, nhân văn. Mặc dù vẫn còn những hạn chế nhất định nhưng những quan điểm của ông về việc giáo dục con người toàn diện, đặc biệt là hoàn thiện nhân cách, chú trọng khả năng thích nghi với cuộc sống, học đi đôi với hành là những nội dung có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với việc đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] Jean Chateau (1971), *Triết lý giáo dục* (bản dịch của Lê Thanh Hoàng Dân và Trần Hữu Đức, Nxb Trẻ, Sài Gòn.

[4] John Locke (2017), *Vài suy nghĩ về giáo dục*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

[5] Đinh Ngọc Thạch - Doãn Chính (đồng Chủ biên, 2018), *Lịch sử triết học phương Tây, tập 1: Từ triết học cổ đại đến triết học cổ điển Đức*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.